

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **723/2020/ LĐ - PT**

Ngày: 29 – 7 – 2020

V/v “Tranh chấp về đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hoa.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Giang.

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký Tòa phiên tòa: Bà Đào Thị Lành, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 và 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/LĐPT ngày 05/05/2020 về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 02/2020/LĐ-ST ngày 27/03/2020 của Tòa án nhân dân quận G.V, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3265/2020/QĐ - PT ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 7886/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị P.U, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 123/9 Đường M, Phường M.B, Quận G.V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Trần Thị H.N, sinh năm 1988. (Có mặt)

Địa chỉ: 58/19 TT, Phường M.H, Quận M.U, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Là người đại diện theo uỷ quyền, theo văn bản uỷ quyền ngày 27/11/2018).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn DH.

Địa chỉ: Khu phố KT, phường KB, thị xã T.U, tỉnh B.D.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông LKS.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Bà Huỳnh Thị Ph, sinh năm 1993. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 266/6 C8, Phường M.U, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Là người đại diện theo uỷ quyền, văn bản uỷ quyền số 02/GUQTT.2020 ngày 12/6/2020).

Người kháng cáo: Bị đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn DH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Hoàng Thị P.U có bà Trần Thị H.N là người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 03/5/2017 đến ngày 02/7/2017, bà U thử việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn DH (Sau đây gọi tắt là Công ty). Hết thời hạn thử việc, ngày 01/8/2017 bà U được Công ty ký hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm đến ngày 31/7/2018. Ngày 01/8/2018, bà U và Công ty tiếp tục ký hợp đồng lao động xác định thời hạn 03 năm đến ngày 30/7/2021, địa điểm làm việc 903-904 Tòa nhà M Lầu 9, Số 1060 Đường N.L, phường T.P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10/9/2018, bà U nhận được thông báo điều chuyển công tác đến làm việc tại Khu phố K.T, phường K.B, thị xã T.U, tỉnh B.D, ngay trong ngày bà U có thư phúc đáp không đồng ý chuyển địa điểm làm việc vì trái thỏa thuận trong hợp đồng lao động.

Ngày 13/9/2018, Công ty tiếp tục ra thông báo lần 2 và văn bản trả lời thư phúc đáp của bà U thể hiện không đồng ý với ý kiến phản hồi của bà U và thông báo nếu bà U không chấp nhận điều chuyển thì Công ty sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với bà U sau 30 ngày kể từ ngày hết hiệu lực của thông báo điều chuyển công tác lần 2.

Ngày 14/9/2018, Công ty yêu cầu bà U bàn giao toàn bộ công cụ làm việc, bao gồm cả thẻ ra vào Tòa nhà. Ngày 15/9/2018, bà U gửi phản hồi cho Công ty thể hiện không đồng ý việc điều chuyển.

Ngày 20/9/2018, bà U nhận được Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty. Sau khi nhận được thông báo bà U vẫn tiếp tục đi làm bình thường, ra vào Tòa nhà nhờ thẻ của các bạn đồng nghiệp cho đi cùng.

Ngày 28/11/2018, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thị xã T.U tiến hành hòa giải tranh chấp lao động theo đơn yêu cầu của bà U nhưng không thành. Ngày 30/12/2018, bà U gửi đơn đề nghị Công ty thực hiện trách nhiệm của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

Ngày 07/01/2019, bà U nhận được Quyết định số 03/2018/ĐH-QĐTV ngày 21/10/2018 của Công ty về việc giải quyết nghỉ việc cho bà U, căn cứ vào đơn xin thôi việc của bà U, tuy nhiên thực tế bà U không có bất kỳ đơn xin thôi việc nào gửi cho Công ty.

Do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty phải:

- Trả cho bà U tiền lương những ngày không được làm việc tạm tính từ ngày 21/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/3/2020 (làm tròn 17 tháng) và 02 tháng tiền lương, tính theo mức lương 30.000.000 đồng/tháng;

- Nhận bà U trở lại làm việc, nếu Công ty không nhận trở lại làm việc thì Công ty phải bồi thường thêm 02 tháng tiền lương;

Tổng cộng số tiền yêu cầu là 630.000.000 đồng.

- Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà U theo quy định của pháp luật.

Bị đơn – Công ty TNHH DH có bà Huỳnh Thị Ph là người đại diện hợp pháp trình bày:

Việc ký hợp đồng lao động như bà U trình bày là đúng.

Do bộ phận Hocera bà U phụ trách doanh số ít, tình hình kinh tế khó khăn, Công ty phải hợp nhất bộ phận Siêu thị và Hocera thành một, Công ty nhận thấy bà U có năng lực nên điều chuyển bà U về trụ sở chính tại Khu phố K.T, phường K.B, thị xã T.U, tỉnh B.D là phù hợp. Công ty đã ban hành thông báo điều chuyển công tác ngày 10/9/2018, ngày 13/9/2018 nhưng bà U không chấp hành, ngày 20/9/2018 Công ty ban hành thông báo chấm dứt hợp đồng lao động. Do đó, ngày 21/10/2018 Công ty có quyết định số 03/2018/ĐH-QĐTV về việc giải quyết nghỉ việc đối với cán bộ nhân viên là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 38 Bộ luật Lao động về thời hạn thông báo trước. Nhưng do có sai sót bộ phận hành chính không ghi đúng căn cứ theo thông báo điều chuyển và thông báo chấm dứt hợp đồng mà lại căn cứ theo đơn xin thôi việc của bà U là do lỗi của Công ty. Công ty xác định không có đơn xin thôi việc của bà U.

Công ty không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì việc Công ty chấm dứt hợp đồng là đúng quy định, bà U nhiều lần vi phạm hợp đồng lao động đã ký kết, không thực hiện các thông báo điều động chuyển Công tác của Công ty.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận G.V tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ hợp đồng lao động số 07/2018/DH-VP7 ngày 01/8/2018 là hợp đồng có thời hạn. Điều 1 hợp đồng lao động thể hiện rõ địa điểm làm việc của bà U tại 903-904 Tòa nhà M Lầu 9, Số 1060 Đường N.L, phường T.P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều 35 Bộ luật Lao động, Công ty TNHH DH muốn thay đổi địa điểm làm việc của người lao động phải thỏa thuận với người lao động để sửa đổi hợp đồng lao động hoặc ký kết hợp đồng mới, không thỏa thuận được thì phải thực hiện theo hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên Công ty TNHH DH đã thay đổi địa điểm làm việc của bà U mà không thỏa thuận với bà U và vì bà U không chấp nhận việc thay đổi địa điểm làm việc nên đã chấm dứt hợp đồng với bà U là không đúng. Mặt khác, Công ty TNHH DH dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần vẫn không có ý kiến phản đối các yêu cầu của bà U và các chứng cứ bà U cung cấp cũng không có mặt tham gia hòa giải.

Như vậy, Công ty TNHH DH ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà U là trái quy định pháp luật qui định tại Điều 41 Bộ luật Lao động, buộc Công ty TNHH DH trả cho bà U tiền lương trong những ngày không được làm việc, BHXH, BHYT, BHTN trong những ngày không được làm việc cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động.

Về mức lương làm căn cứ tính bồi thường, căn cứ khoản 1 Điều 90 Bộ luật Lao động; Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ; Hợp đồng lao động số 07 ngày 01/8/2017, tiền lương của bà U được bồi thường tính theo: Tiền lương chính 19.500.000 đồng/tháng, tiền huê hồng kinh doanh 5.000.000 đồng/tháng, tổng cộng là 24.500.000 đồng/tháng.

Theo khoản 3 Điều 42 Bộ luật Lao động, bị đơn không muốn nhận nguyên đơn trở lại làm việc thì phải bồi thường cho nguyên đơn 02 tháng tiền lương theo mức nêu trên.

Theo khoản 1 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội, Công văn số 02 ngày 02/01/2020 của Bảo hiểm xã hội thị xã T.U, tỉnh B.D có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn đóng tiền BHXH, BHYT, BHTN cho bà U từ tháng 10/2018 đến nay, cả hai bên bà U và Công ty có trách nhiệm đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định pháp luật.

Về án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 02/2020/LĐ-ST ngày 27/03/2020 của Tòa án nhân dân quận G.V, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ vào: Điều 5; điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; khoản 1,3 Điều 36; điểm đ khoản 1 Điều 40; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điểm b khoản 1 Điều 22; Điều 38; Điều 41; Điều 42; Điều 90; khoản 2 Điều 200 và khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Điều a khoản 1, khoản 3 Điều 2; khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;

Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 23/2015/TT-BLĐTBXH ngày 23/6/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về tiền lương của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;

Luật phí và lệ phí;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn – bà Hoàng Thị P.U:

Quyết định giải quyết đối với cán bộ nhân viên số 03/2018/ĐH-QĐTV ngày 21/10/2018 của Công ty TNHH DH là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc đồng ý với Công ty TNHH DH không nhận nguyên đơn trở lại làm việc theo Hợp đồng lao động số 07/2018/DH-VPQ7 ngày 01/8/2017.

Công ty TNHH DH có trách nhiệm phải trả cho bà Hoàng Thị P.U tiền lương trong những ngày không được làm việc tính từ ngày 21/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/3/2020 (làm tròn 17 tháng), 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và bồi thường thêm 02 tháng tiền lương do Công ty không nhận bà U trở lại làm việc, tổng cộng là 514.500.000 đồng (Năm trăm mười bốn triệu năm trăm ngàn) đồng, thực hiện một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty TNHH DH và bà Hoàng Thị P.U phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 21/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/3/2020 theo quy định của pháp luật theo mức tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội là 19.500.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị P.U về việc yêu cầu Công ty TNHH DH trả số tiền 115.500.000 (Một trăm mười lăm triệu năm trăm ngàn) đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 06/4/2020, bị đơn – Công ty TNHH DH có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn – Công ty TNHH DH có bà Huỳnh Thị Ph là người đại diện hợp pháp trình bày:

Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn xác nhận việc ký kết hợp đồng như phía nguyên đơn trình bày là đúng, lương chính bà U được nhận là 19.500.000 đồng; Nếu đi làm thì mới được nhận các khoản trợ cấp cơm, hoa hồng kinh doanh, nhà ở, xăng, điện thoại.

Việc bà U không chấp hành sự điều chuyển của Công ty là sai vì bà U ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH DH chứ không phải ký hợp đồng với Văn phòng đại diện của Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh, bà U biết rất rõ việc Công ty có trụ sở chính tại B.D, do đó việc Công ty điều chuyển bà U về trụ sở chính làm việc là bình thường. Mặt khác, căn cứ khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng lao động thì Công ty có quyền điều chuyển người lao động làm việc theo quyết định của Công ty để đảm bảo hoàn thành công việc và cũng không có bất kỳ thỏa thuận nào giữa bà U và Công ty về việc bà U chỉ làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty thừa nhận ban hành quyết định số 03 v/v giải quyết cho nghỉ việc đối với bà U với lý do bà U có đơn xin nghỉ việc là không đúng sự thật, do lỗi sai sót của bộ phận hành chính.

Như vậy, do bà U nhiều lần vi phạm hợp đồng lao động đã ký kết, không chấp hành việc điều chuyển địa điểm làm việc theo như 02 thông báo điều chuyển của Công ty nên sau khi đảm bảo về thời hạn thông báo trước Công ty đã ra quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là đúng quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị H.N là người đại diện hợp pháp của bà Hoàng Thị P.U trình bày:

Nguyên đơn không kháng cáo bản án sơ thẩm. Việc Công ty điều chuyển bà U xuống làm việc ở trụ sở chính tại B.D là không đúng như thỏa thuận được ký kết tại hợp đồng lao động. Bà U không có đơn xin nghỉ việc gửi Công ty mà Công ty ra quyết định giải quyết cho nghỉ việc đối với bà U căn cứ vào đơn xin nghỉ việc của bà U là không đúng sự thật, trái quy định của pháp luật. Tiền hoa hồng kinh doanh là khoản tiền cố định bà U được nhận hàng tháng không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty, chỉ có khoản tiền doanh số bán hàng mới phụ thuộc vào kết quả kinh doanh. Do đó, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, xét kháng cáo của bị đơn là có cơ sở chấp nhận một phần. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định giữa bà U và Công ty có xác lập Hợp đồng lao động số 07/2018/DH-VP7 ngày 01/8/2018, nội dung: Thời hạn làm việc 03 năm (Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 01/8/2021); Chức vụ: Kinh Doanh; Địa điểm làm việc: 903-904 Tòa nhà M Lầu 9, Số 1060 Đường N.L, phường T.P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Mức lương chính 19.500.000 đồng/tháng; Hình thức trả lương: Chuyển khoản; Phụ cấp gồm hoa hồng kinh doanh 5.000.000 đồng/tháng; Trợ cấp cơm 600.000 đồng/tháng; Nhà ở 2.000.000 đồng/tháng; Xăng 1.500.000 đồng/tháng; Điện thoại 1.400.000 đồng/tháng.

Xét lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện nguyên đơn xác định bà U không nộp đơn xin thôi việc. Công ty cũng thừa nhận ban hành quyết định số 03 với lý do bà U có đơn xin nghỉ việc là không đúng sự thật, do lỗi sai sót của bộ phận hành chính.

Xét, ý kiến của Công ty cho rằng bà U nhiều lần vi phạm hợp đồng lao động đã ký kết, không chấp hành việc điều chuyển địa điểm làm việc theo như 02 thông báo điều chuyển của Công ty nên sau khi đảm bảo về thời hạn thông báo trước Công ty đã ra quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Căn cứ Điều 30 Bộ luật Lao động quy định về việc thực hiện công việc theo hợp đồng lao động, Công ty nếu muốn thay đổi địa điểm làm việc của người lao động phải thỏa thuận với người lao động để sửa đổi hợp đồng lao động hoặc ký kết hợp đồng mới, không thỏa thuận được thì phải thực hiện theo hợp đồng đã ký kết theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Bộ luật Lao động. Như vậy, việc Công ty TNHH DH ban hành Quyết định số 03/2018/ĐH-QĐTV ngày 21/10/2018 V/v giải quyết nghỉ việc đối với cán bộ nhân viên – bà Hoàng Thị P.U với lý do bà U có đơn xin nghỉ việc là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 38 và Điều 41 Bộ luật Lao động.

Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị đơn trình bày không đồng ý nhận nguyên đơn trở lại làm việc, đại diện nguyên đơn đồng ý, xét đây là sự tự nguyện của các đương sự nên có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn trình bày đối với khoản tiền hoa hồng kinh doanh thì bà U phải đi làm việc và bộ phận Hocera có hoạt động thì mới

được nhận khoản tiền hoa hồng kinh doanh. Không làm việc thì không được hưởng khoản tiền này.

Căn cứ Khoản 10 Điều 1 Nghị định 148/2018/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động: “10. Bổ sung Điều 26a sau Điều 26 như sau: Điều 26a. Tiền lương làm căn cứ bồi thường khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: Tiền lương làm căn cứ bồi thường khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại Khoản 5 Điều 42 hoặc Khoản 2 Điều 43 của Bộ luật lao động là tiền lương theo hợp đồng lao động tại thời điểm người sử dụng lao động hoặc người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.”. Như vậy mức lương được chấp nhận để tính các khoản bồi thường là mức lương chính theo hợp đồng lao động: 19.500.000 đồng/tháng. Không chấp nhận các khoản trợ cấp cơm, hoa hồng kinh doanh, nhà ở, xăng, điện thoại. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận mức yêu cầu bồi thường bao gồm mức lương chính 19.500.000 đồng/tháng và hoa hồng kinh doanh 5.000.000 đồng/tháng là không đúng quy định pháp luật.

Do bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên phải bồi thường cho nguyên đơn các khoản: Tiền lương trong những ngày không được làm việc (17 tháng); 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và bồi thường thêm 02 tháng tiền lương do Công ty không nhận bà U trở lại làm việc, tổng số tiền là 19.500.000 đồng x 21 tháng = 409.500.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị P.U về việc yêu cầu Công ty TNHH DH phải trả số tiền 220.500.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Người sử dụng lao động và người lao động phải đóng BHXH, BHYT và BHTN từ ngày 21/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/3/2020 cho người lao động theo quy định pháp luật theo mức tiền lương tháng đóng BHXH là 19.500.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Do đó, sửa bản án sơ thẩm theo nhận định trên.

[3.] Về án phí lao động:

Án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn – Công ty TNHH DH phải chịu án phí là $12.000.000 + 2\% \times (409.500.000 - 400.000.000) = 12.190.000$ đồng. Nguyên đơn được miễn nộp án phí

Án phí lao động phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 22, Điều 38, Điều 41, Điều 42, Điều 90, khoản 2 Điều 200 và khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Lao động năm 2012; Điểm a khoản 1 khoản 3 Điều 2, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động; Khoản 10 Điều 1 Nghị định 148/2018/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án Dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn – Công ty TNHH DH.
2. Sửa bản án lao động sơ thẩm số 02/2020/LĐ-ST ngày 27/03/2020 của Tòa án nhân dân quận G.V, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Hoàng Thị P.U:

Quyết định giải quyết nghỉ việc đối với cán bộ nhân viên số 03/2018/DH-QĐTV ngày 21/10/2018 của Công ty TNHH DH là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc đồng ý với Công ty TNHH DH không nhận nguyên đơn trở lại làm việc theo Hợp đồng lao động số 07/2018/DH-VPQ7 ngày 01/8/2018.

Công ty TNHH DH có trách nhiệm phải trả cho bà Hoàng Thị P.U tiền lương trong những ngày không được làm việc, tính từ ngày 21/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/03/2020 (làm tròn 17 tháng), 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và bồi thường thêm 02 tháng tiền lương do Công ty không nhận bà U trở lại làm việc, tổng cộng số tiền là 409.500.000 đồng (Bốn trăm lẻ chín triệu năm trăm nghìn đồng) thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị P.U về việc yêu cầu Công ty TNHH DH phải trả số tiền 220.500.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức

lỗi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án trên khoản tiền chưa thi hành án.

Công ty TNHH DH và bà Hoàng Thị P.U phải đóng BHXH, BHYT và BHTN từ ngày 21/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/3/2020 cho bà U theo quy định pháp luật theo mức tiền lương tháng đóng BHXH là 19.500.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về án phí lao động:

4.1. Án phí lao động sơ thẩm:

Bị đơn – Công ty TNHH DH phải chịu án phí là 12.190.000 đồng (Mười hai triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn – bà Hoàng Thị P.U được miễn nộp án phí.

4.2. Án phí lao động phúc thẩm: Bị đơn - Công ty TNHH DH không phải chịu án phí lao động phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bị đơn - Công ty TNHH DH số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0025955 ngày 29/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G.V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Tòa án nhân dân Q.G.V;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.G.V;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Vp, Hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hoa